

Bản án số: 52/2022/KDTM-ST
Ngày 28/7/2022
V/v: “*Tranh chấp về hợp đồng tín dụng*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH THANH HÓA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thị Nga.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Nam Văn
Ông Vũ Văn Doãn.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Chuyên - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 27/2022/TLST-DS ngày 13 tháng 4 năm 2022 về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2022/QĐST-DS ngày 06 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam T.

Địa chỉ: Số 89 L, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Phạm Tuấn A - Chức vụ: Phó giám đốc trung tâm xử lý nợ.

Người được uỷ quyền lại: Ông Hoàng Văn H - Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ (Theo giấy uỷ quyền số 1534/2021/UQ-LCC-KHCN2 ngày 11/6/2021 của Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam T). Có mặt.

Địa chỉ: Tầng 3, TTTM T, 27-29 Đại lộ L, phường L, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Ông Trần Văn T, sinh năm 1982. Có mặt.

Bà Bùi Thị M, sinh năm 1987. Có mặt.

Đều có địa chỉ: Thôn Y, xã Đ, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06/12/2021, bản tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và lời trình bày tại phiên tòa của đại diện nguyên đơn thể hiện:

Ngày 08/5/2018 Ngân hàng Thương mại cổ phần (TMCP) Việt Nam T và ông Trần Văn T, bà Bùi Thị M ký hợp đồng tín dụng số LN1803300594438 ngày 08/5/2018, khế ước nhận nợ số LN1803300594438 ngày 09/5/2018 vay số tiền 900.000.000 đồng (Chín trăm triệu đồng). Thời hạn vay 120 tháng tính từ ngày tiếp theo ngày 09/5/2018 đến ngày 09/5/2028; mục đích vay vốn: Bổ sung đầu tư mua sắm tài sản cố định phục vụ hoạt động kinh doanh phong rap, loa đài âm thanh và tổ chức sự kiện ban nhạc, lãi suất trong hạn là 12,5%/năm; điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần vào các ngày 01/01; 01/4; 01/7; 01/10 hàng năm, ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 01/10/2018 với mức điều chỉnh được xác định bằng lãi suất bán vốn của bên ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 5,5%/năm. Lãi suất bán vốn là mức lãi suất do Hội sở chính của bên Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh áp dụng đối với khoản giải ngân có kỳ hạn là 120 tháng và kỳ điều chỉnh lãi suất là 03 tháng. Lãi suất quá hạn bằng 150% mức lãi suất trong hạn kể từ thời điểm phát sinh nợ quá hạn.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay là: Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 18A tờ bản đồ số 10, diện tích đất 256m² tại địa chỉ thôn Y, xã Đ, huyện H, tỉnh Thanh Hoá theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CM942000 do UBND huyện H cấp ngày 12/3/2018 cho ông Trần Văn T và bà Bùi Thị M theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số LN1803300594438 ngày 08/5/2018 tại Văn phòng công chứng Lại Văn Thạnh, số công chứng 4213, quyền số 02/2018TP/CC-SCC-HDGD.

Quá trình thực hiện hợp đồng ông T, bà M đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng VPBankk kể từ ngày 15/01/2019 và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

Để chia sẻ một phần khó khăn và tạo điều kiện cho ông T, bà M thanh toán khoản nợ, ngày 27/5/2022 nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về khoản tiền lãi chậm trả đối với khoản vay của ông T, bà M là 107.847.837 đồng. Số tiền còn lại đề nghị Tòa án buộc ông T, bà M phải thanh toán toàn bộ cho Ngân hàng tạm tính đến ngày 28/7/2022 là 1.445.205.621 đồng (Một tỷ bốn trăm bốn mươi lăm triệu hai trăm linh lăm nghìn sáu trăm hai một đồng). Trong đó: Nợ gốc 832.442.455 đồng, lãi trong hạn 19.159.677 đồng, lãi quá hạn 593.603.489 đồng và đề nghị Tòa án tiếp tục tính lãi phát sinh kể từ ngày 29/7/2022 cho đến khi ông T, bà M thanh toán hết toàn bộ khoản nợ.

Nếu ông T, bà M không trả đúng và đủ số tiền còn nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án kê biên, phát mại tài sản bảo đảm là toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 18A tờ bản đồ số 10, diện tích đất 256m² tại địa chỉ thôn Y, xã Đ, huyện H, tỉnh Thanh Hoá theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CM942000 do UBND huyện Hậu Lộc

cấp ngày 12/3/2018 cho ông Trần Văn T và bà Bùi Thị M để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ của ông Trí và bà Minh.

Theo bản tự khai ngày 20/4/2022, bản tự khai bổ sung ngày 13/5/2022, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa của bị đơn ông Trần Văn T, bà Bùi Thị M thể hiện:

Ngày 08/5/2018 vợ chồng tôi và Ngân hàng TMCP Việt Nam T ký hợp đồng vay số tiền là 900.000.000 đồng (Chín trăm triệu đồng). Mục đích vay tiền để đầu tư kinh doanh phong rạp đám cưới (Có giấy chứng nhận hộ kinh doanh do UBND huyện H cấp ngày 22/02/2016), thời hạn vay 120 tháng, lãi suất là 12,5%/năm, lãi suất quá hạn là 150%/năm. Tài sản chúng tôi thế chấp cho ngân hàng là tài sản gắn liền với đất tại thửa số 18A, tờ bản đồ số 10, diện tích 256m² ở thôn Y, xã Đ, huyện H, tỉnh Thanh Hoá theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CM942000 do UBND huyện H cấp ngày 12/3/2018 cho vợ chồng tôi là Trần Văn T và Bùi Thị M.

Sau khi vay chúng tôi đã trả được 08 tháng tổng số tiền gốc là 67.557.545 đồng và một phần tiền lãi, kể từ tháng 01/2019 đến nay chúng tôi chưa trả cho Ngân hàng. Nguyên nhân là do Ngân hàng tính lãi quá cao nên gia đình tôi không có khả năng để trả, gia đình tôi yêu cầu Ngân hàng giảm lãi để gia đình tôi đóng tiếp nhưng Ngân hàng khắt lằn không giảm mà còn tăng nên gia đình tôi không đóng nữa, số tiền gốc chúng tôi còn nợ Ngân hàng là 832.442.455 đồng và số tiền lãi chưa trả. Đề nghị Ngân hàng giảm toàn bộ số tiền lãi quá hạn cho gia đình chúng tôi để tạo điều kiện cho gia đình tôi trả dần số tiền gốc và lãi trong hạn.

Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 26/5/2022: Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM942000, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận CH00626 do UBND huyện H cấp ngày 12/3/2018 cho ông Trần Văn T và bà Bùi Thị M tại thửa số 18A, tờ bản đồ số 10, diện tích 256m² (Trong đó đất ở 100m², đất trồng cây lâu năm 156m²) ở thôn Y, xã Đ, huyện H, tỉnh Thanh Hóa. Có tứ cạnh: Phía Bắc giáp thửa số 18 số đo 26m; phía Nam giáp thửa số 17 số đo 26m; phía Đông giáp đường tỉnh lộ số đo 9,8m; phía Tây giáp thửa 16 số đo 9,9m và tài sản gắn liền với đất là nhà ở cấp bốn 04 tầng, tường xây gạch, khung cột bê tông, diện tích xây dựng 90m², diện tích sàn 360m² xây dựng năm 2016.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn đề nghị: Buộc ông Trần Văn T, bà Bùi Thị M thanh toán toàn bộ số nợ còn lại cho Ngân hàng TMCP Việt Nam T là 1.445.205.621 đồng (Một tỷ bốn trăm bốn mươi lăm triệu hai trăm linh lăm nghìn sáu trăm hai một đồng). Trong đó: Nợ gốc 832.442.455 đồng, lãi trong hạn 19.159.677 đồng, lãi quá hạn 593.603.489 đồng và tính lãi tiếp theo sau ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi ông T, bà M thanh toán hết toàn bộ số nợ cho Ngân hàng theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng đã ký kết. Nếu ông T, bà M

không thực hiện việc trả nợ thì Ngân hàng có quyền đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thanh toán toàn bộ khoản nợ.

Bị đơn: Việc vợ chồng tôi vay của Ngân hàng TMCP Việt Nam T số tiền gốc 900.000.000 đồng, đã trả được 67.557.545 đồng tiền gốc và một phần tiền lãi, còn nợ tiền gốc 832.442.455 đồng và lãi chưa trả, nay do làm ăn khó khăn nên chúng tôi chưa có khả năng trả nợ, đề nghị Ngân hàng TMCP Việt Nam T xem xét cho chúng tôi được trả dần số tiền gốc và tiền lãi trong hạn, giảm toàn bộ số tiền lãi quá hạn cho vợ chồng tôi. Nếu Ngân hàng không đồng ý thì Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, HĐXX: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đầy đủ, đảm bảo trình tự, thủ tục từ khi thụ lý, tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; người tham gia tố tụng đã được thực hiện đầy đủ, đảm bảo đúng các quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Điều 317; Điều 318; Điều 466 và 468 Bộ luật Dân sự; Khoản 2 Điều 91; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 7 Nghị quyết 01/2019 ngày 11/01/2019 về lãi suất trong hợp đồng tín dụng; Điều 6; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Việt Nam T. Buộc ông Trần Văn T, bà Bùi Thị M trả cho Ngân hàng TMCP Việt Nam T số tiền gốc 832.442.455 đồng, tiền lãi trong hạn 19.159.677 đồng, nợ lãi quá hạn 593.603.489 đồng và tính lãi tiếp theo sau ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi ông Trí, bà Minh trả hết toàn bộ số nợ cho Ngân hàng TMCP Việt Nam T theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng đã ký kết. Nếu ông T, bà M không thi hành việc trả nợ thì Ngân hàng TMCP Việt Nam T có quyền đề nghị cơ quan Thi hành án kê biên, xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản của khách hàng vay vốn số LN1803300594438/HĐTC ngày 08/5/2018.

Án phí: Buộc ông Trần Văn T, bà Bùi Thị M chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết 326 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp cho Ngân hàng TMCP Việt Nam T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, bị đơn có nơi cư trú tại xã Đ, huyện H và nguyên đơn có

đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện H nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Tòa án đã thụ lý vụ án dân sự số 27/2022/TLST-DS ngày 13 tháng 4 năm 2022 theo nội dung tranh chấp hợp đồng tín dụng, ngày 27/5/2022 ông Trần Văn T, bà Bùi Thị M cung cấp Giấy chứng nhận hộ kinh doanh của hộ ông T, bà M, phù hợp với nội dung ông T, bà M khai và nội dung mục đích vay trong hợp đồng, đây là quan hệ tranh chấp mà hai bên có đăng ký kinh doanh và đều vì mục đích lợi nhuận nên xác định là quan hệ tranh chấp kinh doanh thương mại. Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hậu Lộc.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Các bên ký kết Hợp đồng cho vay số LN1803300594438 ngày 08/5/2018, biên bản làm việc giữa ông Trần Văn T với Ngân hàng TMCP Việt Nam T ngày 09/3/2021 ông Trần Văn T đề nghị Ngân hàng xem xét giảm lãi để thanh toán cho Ngân hàng, ngày 06/12/2021 Ngân hàng TMCP Việt Nam T có đơn khởi kiện đối với ông Trần Văn T, bà Bùi Thị M, thời hiệu khởi kiện được đảm bảo theo quy định tại Điều 184 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 429 của Bộ luật Dân sự.

[3] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Ngày 08/5/2018 Ngân hàng TMCP Việt Nam T có ký Hợp đồng cho vay số LN1803300594438 ngày 08/5/2018, khế ước nhận nợ số LN1803300594438 ngày 09/5/2018 với ông Trần Văn T, bà Bùi Thị M vay số tiền 900.000.000 đồng, thời hạn cho vay 120 tháng, lãi suất trong hạn là 12,5%/năm; điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần cộng (+) biên độ 5,5%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% mức lãi suất trong hạn kể từ thời điểm phát sinh nợ quá hạn. Mục đích vay tiền: Bổ sung đầu tư mua sắm tài sản cố định phục vụ hoạt động kinh doanh phong rap, loa đài âm thanh và tổ chức sự kiện. Ông T, bà M đã nhận đủ số tiền vay theo hợp đồng (ngày 08/5/2018), quá trình thực hiện hợp đồng ông T, bà M mới trả được số tiền gốc 67.557.545 đồng, lãi 68.116.641 đồng, lãi chậm trả 122.679 đồng.

Hợp đồng tín dụng được ký kết giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 463 và Điều 466 Bộ luật Dân sự và Điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng. Nay đã quá hạn trả nợ nhưng ông T, bà M không thực hiện trả nợ theo thỏa thuận là vi phạm Điều 7 của Hợp đồng cho vay số LN1803300594438 ngày 08/5/2018. Như vậy, việc Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng khởi kiện yêu cầu ông T, bà M trả toàn bộ số tiền gốc 832.442.455 đồng, lãi trong hạn 19.159.677 đồng, lãi quá hạn 593.603.489 đồng tính đến ngày 28/7/2022 là có căn cứ cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện.

Ông Trần Văn T, bà Bùi Thị M có quan hệ là vợ chồng, cùng ký hợp đồng cho vay và thế chấp tài sản đảm bảo là nhà và đất ở của chung vợ chồng, do đó cần buộc ông Trần Văn T, bà Bùi Thị M cùng thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam T toàn bộ số tiền trên.

[4] Về yêu cầu của ông T, bà M: Ông Trần Văn T, bà Bùi Thị M thừa nhận khoản nợ hiện nay như Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam T yêu cầu là đúng và đề nghị trả số tiền gốc và lãi trong hạn, không chấp nhận trả lãi suất quá hạn.

Đại diện Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam T không đồng ý theo đề nghị của ông T, bà M đề nghị buộc vợ chồng ông T, bà M thực hiện theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Do đó không có căn cứ chấp nhận yêu cầu trên của ông T, bà M.

[5] Đối với Hợp đồng thế chấp: Ông Trần Văn T, bà Bùi Thị M có ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất, hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số LN1803300594438 ngày 08/5/2018 với Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam T, hợp đồng thế chấp được chứng thực tại Văn phòng công chứng Lại Văn Thanh, số công chứng 4213, quyền số 02/2018TP/CC-SCC-HĐGD. Tài sản thế chấp là toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 18A tờ bản đồ số 10, diện tích đất 256m² tại địa chỉ thôn Y, xã Đ, huyện H, tỉnh Thanh Hoá theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CM942000 do UBND huyện Hậu Lộc cấp ngày 12/3/2018 cho ông Trần Văn T và bà Bùi Thị M

Theo thỏa thuận của các bên trong hợp đồng thế chấp, nghĩa vụ được bảo đảm cho việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ hiện tại và nghĩa vụ trong tương lai bao gồm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi, các khoản phí, bồi thường thiệt hại và tất cả các nghĩa vụ tài chính khác của bên thế chấp đối với bên Ngân hàng, trước, trong và sau ngày ký hợp đồng; việc thế chấp tài sản đã được công chứng và được đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện H bảo đảm theo quy định nên yêu cầu của nguyên đơn về việc có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là có căn cứ chấp nhận.

[6] Đối với việc rút một phần yêu cầu khởi kiện số tiền lãi chậm trả là 107.847.837 đồng. Hội đồng xét xử thấy việc rút một phần yêu cầu này là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận và ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn.

[7] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Trần Văn T, bà Bùi Thị M phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Cụ thể: 1.445.205.621 đồng = 36.000.000 đồng + (645.205.621 đồng x 3%) = 55.356.168 đồng.

Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm là 30.908.500 đồng cho Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam T theo biên lai thu số AA/2021/0008884 ngày 13/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 317; Điều 318; Điều 463; Điều 466 và 468 Bộ luật Dân sự;

Khoản 2 Điều 91; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng;

Điều 6; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện ngày 06/12/2021 của Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam T.

2. Buộc ông Trần Văn T, bà Bùi Thị M có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam T số tiền nợ gốc 832.442.455 đồng, lãi trong hạn 19.159.677 đồng, lãi quá hạn 593.603.489 đồng (tính đến ngày 28/7/2022). Tổng tiền gốc, lãi trong hạn và lãi quá hạn là 1.445.205.621 đồng (Một tỷ bốn trăm bốn mươi lăm triệu hai trăm linh lăm nghìn sáu trăm hai một đồng).

Kể từ ngày 29/7/2022 (ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm) cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ ông Trần Văn T, bà Bùi Thị M còn phải chịu khoản tiền lãi trên số tiền gốc còn phải thi hành theo mức lãi suất các bên thỏa thuận theo hợp đồng cho vay số LN1803300594438 ngày 08/5/2018 nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Trần Văn T, bà Bùi Thị M không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ khoản tiền nợ trên thì Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam T có quyền đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản của khách hàng vay vốn số LN1803300594438/HĐTC ngày 08/5/2018. Tài sản thế chấp theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 26/5/2022 là Quyền sử dụng đất diện tích 256m² (Trong đó đất ở 100m², đất trồng cây lâu năm 156m²) tại thửa số 18A, tờ bản đồ số 10 xã Đa Lộc đứng tên chủ sử dụng là ông Trần Văn T và bà Bùi Thị M, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM942000, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận CH00626 do UBND huyện H cấp ngày 12/3/2018. Có tứ cạnh: Phía Bắc giáp thửa số 18 số đo 26m; phía Nam giáp thửa số 17 số đo 26m; phía Đông giáp đường tỉnh lộ số đo 9,8m; phía Tây giáp thửa 16 số đo 9,9m và tài sản gắn liền với đất là nhà ở cấp bốn 04 tầng, tường xây gạch, khung cột bê tông, diện tích xây dựng 90m², diện tích sàn 360m² xây dựng năm 2016.

3. Đình chỉ đối với việc rút một phần yêu cầu khởi kiện về lãi chậm trả là 107.847.837 đồng của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam T đối với ông Trần Văn T, bà Bùi Thị M.

4. Án phí: Ông Trần Văn T, bà Bùi Thị M phải chịu số tiền 55.356.168 đồng (*Năm mươi lăm triệu ba trăm năm mươi sáu nghìn một trăm sáu tám đồng*) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam T số tiền tạm ứng án phí là 30.908.500 đồng (*Ba mươi triệu chín trăm linh tám nghìn năm trăm đồng*) cho Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam T theo biên lai thu số AA/2021/0008884 ngày 13/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án mà người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Hậu Lộc;
- Chi cục THADS huyện H;
- UBND xã Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Cao Thị Nga